

Số: 277/KH-UBND

Đồng Nai, ngày 20 tháng 8 năm 2024

KẾ HOẠCH

Phối hợp với Báo Người Lao động và Pháp luật Thành phố Hồ Chí Minh truyền thông về tỉnh Đồng Nai năm 2024

Căn cứ Kế hoạch số 160/KH-UBND ngày 21/6/2023 của UBND tỉnh về truyền thông quảng bá hình ảnh tỉnh Đồng Nai ra nước ngoài theo cách làm mới giai đoạn 2023-2025 và định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 277/KH-UBND ngày 29/11/2023 của UBND tỉnh về Kế hoạch thực hiện Chiến lược truyền thông về tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2023 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 262/KH-UBND ngày 08/11/2023 của UBND tỉnh về hoạt động thông tin đối ngoại tỉnh Đồng Nai năm 2024;

Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Kế hoạch phối hợp với Báo Người Lao động và Pháp luật Thành phố Hồ Chí Minh truyền thông về tỉnh Đồng Nai năm 2024 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Xây dựng, quảng bá thương hiệu, hình ảnh tỉnh Đồng Nai văn minh, năng động, phát triển, xứng tầm là một trụ cột trong vùng kinh tế trọng điểm vùng Đông Nam Bộ, đồng thời, là vùng đất thân thiện, giàu bản sắc văn hóa, đầy tiềm năng, nhiều cơ hội đầu tư phát triển.

b) Truyền thông, quảng bá về tiềm năng, thế mạnh, tạo ấn tượng đậm nét hơn về tỉnh Đồng Nai đến các nước trong khu vực và trên thế giới, qua đó thúc đẩy mạnh mẽ phát triển du lịch, gia tăng thu hút các nguồn lực đầu tư cho tỉnh, nhất là đầu tư nước ngoài, tạo được những bước phát triển đột phá trong các ngành mũi nhọn của tỉnh.

c) Thông tin, định hướng những vấn đề được dư luận quan tâm, nhất là những vấn đề quan trọng, nhạy cảm của địa phương; phản biện kịp thời các thông tin không chính xác gây ảnh hưởng không tốt đến hình ảnh tỉnh Đồng Nai.

2. Yêu cầu

Thông tin, tuyên truyền, quảng bá về địa phương đảm bảo chính xác, kịp thời, khách quan, trung thực, theo đúng định hướng chính trị của Đảng, pháp luật của Nhà nước; đáp ứng xu thế hội nhập và phát triển trong giai đoạn đổi mới của đất nước, quốc tế. Công tác tuyên truyền phải sinh động, thiết thực, tạo dựng hình ảnh về địa phương với những đặc trưng riêng của tỉnh Đồng Nai.

II. NỘI DUNG, HÌNH THỨC THỰC HIỆN

1. Nội dung truyền thông

- Nhóm các bài viết thông tin về công tác thu hút đầu tư nước ngoài -FDI: Thu hút đầu tư vào công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp công nghệ cao. Nỗ lực, giải pháp, kết quả Đồng Nai tiếp tục mở rộng thị trường xuất khẩu; thu hút đầu tư xây dựng nhà ở cho công nhân; công tác bảo vệ môi trường tại các khu công nghiệp; đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng giao thông, khu công nghiệp, dịch vụ đô thị,...

- Nhóm các bài viết về công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế; giới thiệu, quảng bá những nét đẹp, tiềm năng, thế mạnh của vùng đất và con người Đồng Nai; Thông tin về các hoạt động xúc tiến đầu tư, đặc biệt là đầu tư vào công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp công nghệ cao; thúc đẩy xuất khẩu, giới thiệu các sản phẩm đặc trưng, đặc sắc của tỉnh.

- Nhóm các bài viết về Chuyển đổi số ở một số lĩnh vực có tác động lớn là dịch vụ công của Nhà nước, sản xuất công nghiệp, tài chính - ngân hàng, thương mại điện tử, y tế, giáo dục, nông nghiệp, giao thông vận tải và logistics, năng lượng, tài nguyên và môi trường,...

- Nhóm các bài viết về nỗ lực của tỉnh trong việc đẩy nhanh tiến độ lập quy hoạch tỉnh; tập trung đô thị kết nối vùng kinh tế.

- Nhóm các bài viết thông tin, phát hiện, nêu gương người tốt, việc tốt, điển hình tiên tiến trong lao động sản xuất; cổ vũ, động viên người lao động và công đoàn các cấp thực hiện tốt các nhiệm vụ kinh tế - xã hội của địa phương; đồng hành với người lao động.

- Nhóm các bài viết thông tin, phổ biến kiến thức pháp luật, xây dựng ý thức tôn trọng và bảo pháp luật trong cán bộ, nhân dân; động viên cổ vũ nhân dân tự giác chấp hành pháp luật.

2. Hình thức và thời gian thực hiện

- Hình thức thực hiện: đăng tải bài viết, hình ảnh trên báo điện tử Báo Người Lao động (<https://nld.com.vn/>), Báo Pháp luật thành phố Hồ Chí Minh (<https://plo.vn/>).

- Ngôn ngữ thể hiện: Tiếng Việt.

- Thời gian thực hiện: quý III, IV/2024.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch: 201.914.739 đồng từ nguồn kinh phí đã giao cho Sở Thông tin và Truyền thông (nguồn không tự chủ) tại Quyết định số 562/QĐ-STC ngày 12/12/2023 về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước – chi ngân sách địa phương tỉnh Đồng Nai năm 2024, bao gồm:

1. Truyền thông trên các cơ quan báo chí: 198.914.739 đồng.

2. Chi phí thẩm định giá: 3.000.000 đồng.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao Sở Thông tin và Truyền thông

a) Chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan thực hiện ký hợp đồng trực tiếp với cơ quan báo chí thực hiện tuyên truyền theo đúng quy định hiện hành và báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện.

b) Chủ động, kịp thời phát hiện khó khăn, vướng mắc để đề xuất, tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Đề nghị Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chỉ đạo, định hướng nội dung thông tin, tuyên truyền về Đồng Nai trên các cơ quan báo chí.

3. Giao Sở Tài chính tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh hướng dẫn sử dụng kinh phí theo đúng quy định hiện hành.

4. Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố Biên Hòa và Long Khánh tạo điều kiện hỗ trợ, cung cấp các thông tin, số liệu cần thiết cho các cơ quan báo chí khi có yêu cầu; đồng thời, chỉ đạo cán bộ công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị xem, chia sẻ các tin, bài, chương trình tuyên truyền về Đồng Nai của các cơ quan báo chí.

5. Báo Người Lao động và Báo Pháp luật Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ vào nội dung Kế hoạch này, chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện công tác tuyên truyền kịp thời, hiệu quả, lan tỏa sâu rộng đến Nhân dân trong và ngoài tỉnh.

Trên đây là Kế hoạch phối hợp với Báo Người Lao động và Báo Pháp luật Thành phố Hồ Chí Minh truyền thông về tỉnh Đồng Nai năm 2024; Chủ tịch UBND tỉnh đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- TT. Tỉnh ủy;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Q. Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Công an tỉnh, Bộ CHQS tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Chánh, các PVP UBND tỉnh;
- Báo Người Lao động;
- Báo Pháp luật TP.HCM
- Lưu: VT, KGVX.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Sơn Hùng



TỔNG DỰ TOÁN
KINH PHÍ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH TUYÊN TRUYỀN VỀ ĐỒNG NAI TRÊN
BÁO NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ BÁO PHÁP LẬP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH NĂM 2024
(Đính kèm Kế hoạch số 277/KH-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2024)

ĐVT: đồng

STT	Nội dung chi	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
I. CHI PHÍ TUYÊN TRUYỀN VỀ ĐỒNG NAO TRÊN BÁO NGƯỜI LAO ĐỘNG						
1	Bài phản ánh	Bài	6	3.459.035	20.754.210	phụ lục 1
2	Bài nghiên cứu trao đổi	Bài	4	8.825.658	35.302.632	phụ lục 2
3	Bài phỏng vấn	Bài	2	12.161.232	24.322.464	phụ lục 3
4	Ảnh minh họa	ảnh	14	819.989	11.479.846	phụ lục 4
Tổng					91.859.152	
VAT					8%	7.348.732
Tổng cộng (I)					99.207.884	
II. CHI PHÍ TUYÊN TRUYỀN VỀ ĐỒNG NAO TRÊN BÁO PHÁP LẬP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH						
1	Bài phản ánh	Bài	5	5.690.845	28.454.225	phụ lục 5
2	Bài nghiên cứu trao đổi	Bài	2	14.658.726	29.317.452	phụ lục 6
3	Bài Phỏng vấn	Bài	1	20.057.304	20.057.304	phụ lục 7
4	Ảnh minh họa theo bài	ảnh	11	1.317.471	14.492.181	phụ lục 8
Tổng					92.321.162	
VAT					8%	7.385.693
Tổng cộng (II)					99.706.855	

III. CHI PHÍ THẨM ĐỊNH GIÁ		
	Chi phí thẩm định giá	3.000.000
	TỔNG CỘNG (I+II+III)	201.914.739

Bằng chữ: Hai trăm lẻ một triệu chín trăm mười bốn ngàn bảy trăm ba mươi chín đồng/.

Phụ lục 1
DỰ TOÁN KINH PHÍ BÀI PHÂN ÁNH

DVT: đồng

Đơn giá Bài Phân Ánh										DVT: đồng	
TT	Nội dung	Đơn vị tính	Cấp bậc (1)	Hệ số lương (2)	Trị số định mức theo TT 18 (3)	Lương cơ bản (5)	Đơn giá một ngày công (6)	Các khoản đóng góp theo lương (7)	Giá trị một ngày công 8=3x4x(6+7)	Thành tiền	Mã hiệu 01.01.01.04 Thông tư 18 2021 BTTTT
A CÔNG TÁC XÂY DỰNG BẢN THẢO VÀ BIÊN TẬP BẢN THẢO TÁC PHẨM BẢO CHỈ											
1	Nhân công									3.370.701	
	Phòng viên hạng I	công	3/6	6,92	0,33	2.340.000	736.036	172.969	299.972	299.972	
	Phòng viên hạng II	công	5/8	5,76	0,54	2.340.000	612.655	143.974	408.579	408.579	
	Phòng viên hạng III	công	5/9	3,66	3,27	2.340.000	389.291	91.483	1.572.132	1.572.132	
	Biên tập viên hạng I	công	3/6	6,92	0,18	2.340.000	736.036	172.969	163.621	163.621	
	Biên tập viên hạng II	công	5/8	5,76	0,5	2.340.000	612.655	143.974	378.314	378.314	
	Biên tập viên hạng III	công	5/9	3,66	1,14	2.340.000	389.291	91.483	548.083	548.083	
2	Máy sử dụng									13.008	
	Máy tính chuyên dụng	ca			4,767		2.727			13.001	
	Máy in laser A4	ca			0,0025		3.030				

[illegible]

Phụ lục 2
DỰ TOÁN KINH PHÍ BÀI NGHIÊN CỨU TRAO ĐỔI

ĐVT: đồng

Đơn giá Bài Nghiên cứu trao đổi											Mã hiệu 01.01.05.01 Thông tư 18 2021 BTTTT
TT	Nội dung	Đơn vị tính	Cấp bậc (1)	Hệ số lương (2)	Trị số định mức theo TT 18 (3)	Lương cơ bản (5)	Đơn giá một ngày công (6)	Các khoản đóng góp theo lương (7)	Giá trị một ngày công 8=3x4x(6+7)	Thành tiền	
A CÔNG TÁC XÂY DỰNG BẢN THẢO VÀ BIÊN TẬP BẢN THẢO TÁC PHẨM BÁO CHÍ											
1	Nhân công									8.718.539	
	Phòng viên hạng I	công	3/6	6,92	0,42	2.340.000	736.036	172.969	381.782	381.782	
	Phòng viên hạng II	công	5/8	5,76	3,48	2.340.000	612.655	143.974	2.633.067	2.633.067	
	Phòng viên hạng III	công	5/9	3,66	5,19	2.340.000	389.291	91.483	2.495.218	2.495.218	
	Biên tập viên hạng I	công	3/6	6,92	0,29	2.340.000	736.036	172.969	263.611	263.611	
	Biên tập viên hạng II	công	5/8	5,76	1,63	2.340.000	612.655	143.974	1.233.304	1.233.304	
	Biên tập viên hạng III	công	5/9	3,66	3,56	2.340.000	389.291	91.483	1.711.556	1.711.556	
2	Máy sử dụng									31.792	
	Máy tính chuyên dùng	ca			11,65		2.727			31.773	
	Máy in laser A4	ca			0,0065		3.030			20	
3	Vật liệu sử dụng									32.860	
										Theo giá thực tế thị trường	

Phụ lục 3
DỰ TOÁN KINH PHÍ BÀI PHÒNG VẤN

DVT: Đồng

		Đơn giá Bài Phỏng vấn								CV1: Tổng	
TT	Nội dung	Đơn vị tính	Cấp bậc (1)	Hệ số lương (2)	Trị số định mức theo TT 18 (3)	Lương cơ bản (5)	Đơn giá một ngày công (6)	Các khoản đóng góp theo lương (7)	Giá trị một ngày công 8=3x4x(6+7)	Thành tiền	Mã hiệu 01.01.04.01 Thông tư 18 2021 BTTTT
A CÔNG TÁC XÂY DỰNG BẢN THẢO VÀ BIÊN TẬP BẢN THẢO TÁC PHẨM BÁO CHÍ											
1	Nhân công									11.933.501	
	Phóng viên hạng I	công	3/6	6,92	0,13	2.340.000	736.036	172.969	118.171	118.171	
	Phóng viên hạng II	công	5/8	5,76	4,75	2.340.000	612.655	143.974	3.593.985	3.593.985	
	Phóng viên hạng III	công	5/9	3,66	9,02	2.340.000	389.291	91.483	4.336.584	4.336.584	
	Biên tập viên hạng I	công	3/6	6,92	0,25	2.340.000	736.036	172.969	227.251	227.251	
	Biên tập viên hạng II	công	5/8	5,76	2	2.340.000	612.655	143.974	1.513.257	1.513.257	
	Biên tập viên hạng III	công	5/9	3,66	4,46	2.340.000	389.291	91.483	2.144.253	2.144.253	
2	Máy sử dụng									53.827	
	Máy tính chuyên dụng	ca				16,483	2.727			44.954	
	Máy in laser A4	ca			0,01		3.030			30	
	Máy ghi âm chuyên dụng	ca			9,727		909			8.843	

[illegible]

Phụ lục 4
NH PHỄ ANH MINH HÒA

DVT: đồng

Đơn giá ảnh minh họa											DVT: đồng
Mã	Nội dung	Đơn vị tính	Cấp bậc (1)	Hệ số (2)	Trị số định mức theo TT 18 (3)	Lương cơ bản (5)	Đơn giá một ngày công (6)	Các khoản đóng góp theo lương (7)	Giá trị một ngày công (8=3x5(6+7))	Thành tiền	Mã hiệu 01.01.06.02 Thông tư 18 2021 BTTTT
A	CÔNG TÁC XÂY DỰNG BẢN THẢO VÀ BIÊN TẬP BẢN THẢO ĐỐI VỚI THỂ LOẠI ẢNH MINH HỌA										
1	Nhân công									776.831	
	Phóng viên hạng II	công	4/8	5,42	0,17	2.340.000	576.491	135.475	121.034	121.034	
	Phóng viên hạng III	công	5/9	3,66	0,96	2.340.000	389.291	91.483	461.543	461.543	
	Biên tập viên hạng II	công	4/8	5,42	0,05	2.340.000	576.491	135.475	35.598	35.598	
	Biên tập viên hạng III	công	5/9	3,66	0,33	2.340.000	389.291	91.483	158.656	158.656	
2	Máy sử dụng									19.881	
	Máy tính chuyên dụng				0,906		2.727			2.471	
	Máy ảnh chuyên dụng				0,383		45.455			17.409	
	Máy in laser A4 màu				0,0003		3.030			1	
3	Vật liệu sử dụng									4.381	Theo giá thực tế thị trường
	Giấy A4	Tờ			4		191,75			767	
	Mực in laser A4	Hộp			0,0016		2.010.000			3.216	
	Vật liệu phụ	%			10					398	
I	Tổng cộng (1+2+3)									801.094	
B	CÔNG TÁC THIẾT KẾ, TRÌNH BÀY TRONG BÁO ĐIỆN TỬ										
1	Nhân công									13.399	

[illegible]

Phụ lục 5
DỰ TOÁN KINH PHÍ BÀI PHẢN ẢNH

DVT: đồng

Đơn giá Bài Phản Ảnh											
TT	Nội dung	Đơn vị tính	Cấp bậc (1)	Hệ số lương (2)	Trị số định mức theo TT 18 (3)	Lương cơ bản (5)	Đơn giá một ngày công (6)	Các khoản đóng góp theo lương (7)	Giá trị một ngày công 8=3x4x(6+7)	Thành tiền	Mã hiệu 01.01.01.04 Thông tư 18/2021 BTTTT
A	CÔNG TÁC XÂY DỰNG BẢN THẢO VÀ BIÊN TẬP BẢN THẢO TÁC PHẨM BẢO CHỨ										
1	Nhân công									3.370.701	
	Phòng viên hạng I	công	3/6	6,92	0,33	2.340.000	736.036	172.969	299.972	299.972	
	Phòng viên hạng II	công	5/8	5,76	0,54	2.340.000	612.655	143.974	408.579	408.579	
	Phòng viên hạng III	công	5/9	3,66	3,27	2.340.000	389.291	91.483	1.572.132	1.572.132	
	Biên tập viên hạng I	công	3/6	6,92	0,18	2.340.000	736.036	172.969	163.621	163.621	
	Biên tập viên hạng II	công	5/8	5,76	0,5	2.340.000	612.655	143.974	378.314	378.314	
	Biên tập viên hạng III	công	5/9	3,66	1,14	2.340.000	389.291	91.483	548.083	548.083	
2	Máy sử dụng									0	
	Máy tính chuyên dụng	ca			4,767		0			-	
	Máy in laser A4	ca			0,0025		0			-	

3	Vật liệu sử dụng					.				Theo giá thực tế thị trường
	Giấy A4	Tờ	30				130,00			13.290
	Mực in laser A4	Hộp	0,012				681.818			3.900
	Vật liệu phụ	%	10							8.182
I	Tổng cộng (1+2+3)									1.208
B	CHI PHÍ KHÁC									3.383.991
1	Chi phí khác (công tác phí, chuyên môn nghiệp vụ,...)						35%			1.184.397
2	Chi phí quản lý chung						32%			1.082.877
II	Tổng cộng (1+2)									2.267.274
C	CÔNG TÁC THIẾT KẾ, TRÌNH BÀY TRONG BÁO ĐIỆN TỬ									theo ND số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tư chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập
1	Nhân công									03.03.01.01
	Kỹ sư	công	3/9	3,0	0,077	2.340.000	319.091	74.986	30.344	37.437
	Họa sĩ	công	3/9	3,0	0,018	2.340.000	319.091	74.986	7.093	30.344
2	Máy sử dụng									7.093
	Máy tính chuyên dụng	ca			0,092		0			0
	Máy in laser A4	ca			0,0005		0			0
3	Vật liệu sử dụng									2.144
	Giấy A4	Tờ			6					780

[illegible]

Phụ lục 6
DỰ TOÁN KINH PHÍ BÀI NGHIÊN CỨU TRAO ĐỔI

Đơn giá Bài Nghiên cứu trao đổi										Mã hiệu 01.01.05.01 Thông tư 18 2021 BTTTT	
TT	Nội dung	Đơn vị tính	Cấp bậc (1)	Hệ số lương (2)	Trị số định mức theo TT 18 (3)	Lương cơ bản (5)	Đơn giá một ngày công (6)	Các khoản đóng góp theo lương (7)	Giá trị một ngày công 8=3x4x(6+7)		Thành tiền
A	CÔNG TÁC XÂY DỰNG BẢN THẢO VÀ BIÊN TẬP BẢN THẢO TÁC PHẨM BÁO CHÍ										
I	Nhân công									8.718.539	
	Phòng viên hạng I	công	3/6	6,92	0,42	2.340.000	736.036	172.969	381.782	381.782	
	Phòng viên hạng II	công	5/8	5,76	3,48	2.340.000	612.655	143.974	2.633.067	2.633.067	
	Phòng viên hạng III	công	5/9	3,66	5,19	2.340.000	389.291	91.483	2.495.218	2.495.218	
	Biên tập viên hạng I	công	3/6	6,92	0,29	2.340.000	736.036	172.969	263.611	263.611	

DVT: đồng

	Biên tập viên hạng II	công	5/8	5,76	1,63	2.340.000	612.655	143.974	1.233.304	1.233.304	
	Biên tập viên hạng III	công	5/9	3,66	3,56	2.340.000	389.291	91.483	1.711.556	1.711.556	
2	Máy sử dụng								0		
	Máy tính chuyên dụng	ca			11,65						
	Máy in laser A4	ca			0,0067						
3	Vật liệu sử dụng										Theo giá thực tế thị trường
	Giấy A4	Tờ			80		130,00			10.400	
	Mực in laser A4	Hộp			0,032		681.818			21.818	
	Vật liệu phụ	%			10					3.222	
I	Tổng cộng (1+2+3)									8.753.979	
B	CHI PHÍ KHÁC										
1	Chi phí khác (công tác phí, chuyên môn nghiệp vụ...)						35%			3.063.893	theo ND số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập

2	Chi phí quản lý chung								32%				2.801.273	
II	Tổng cộng (1+2)												5.865.166	
C	CÔNG TÁC THIẾT KẾ, TRÌNH BÀY TRONG BÁO ĐIỆN TỬ												03.03.01.01	
1	Nhân công												37.437	
	Kỹ sư	công	3/9	3,0	0,077	2.340.000	319.091	74.986	30.344	30.344				
	Họa sĩ	công	3/9	3,0	0,018	2.340.000	319.091	74.986	7.093	7.093				
2	Máy sử dụng												0	
	Máy tính chuyên dụng	ca			0,092		0			0				
	Máy in laser A4	ca			0,0005		0						0	
3	Vật liệu sử dụng												2.144	
	Giấy A4	Tờ			6		130,00						780	
	Mực in laser A4	Hộp			0,002		681.818						1.364	
III	Tổng cộng (1+2+3)												39.581	
D	ĐƠN GIÁ 1 BÀI NGHIÊN CỨU TRAO ĐỔI (I + II + III)												14.658.726	

Phụ lục 7
DỰ TOÁN KINH PHÍ BÀI PHÒNG VÁN

Đơn giá Bài Phòng vắn												DVT: đồng
TT	Nội dung	Đơn vị tính	Cấp bậc (1)	Hệ số lương (2)	Trị số định mức theo TT 18 (3)	Tỷ lệ % áp dụng theo định mức thông tư 18 (4)	Lương cơ bản (5)	Đơn giá một ngày công (6)	Các khoản đóng góp theo lương (7)	Giá trị một ngày công 8=3x4x(6+7)	Thành tiền	Mã hiệu 01.01.04.01 Thông tư 18/2021 BTTTT
A	CÔNG TÁC XÂY DỰNG BẢN THẢO VÀ BIÊN TẬP BẢN THẢO TÁC PHẨM BẢO CHÍ											
I	Nhân công										11.933.501	
	Phòng viên hạng I	công	3/6	6,92	0,13	95	2.340.000	736.036	172.969	118.171	118.171	
	Phòng viên hạng II	công	5/8	5,76	4,75	95	2.340.000	612.655	143.974	3.593.985	3.593.985	
	Phòng viên hạng III	công	5/9	3,66	9,02	95	2.340.000	389.291	91.483	4.336.584	4.336.584	
	Biên tập viên hạng I	công	3/6	6,92	0,25	95	2.340.000	736.036	172.969	227.251	227.251	

DVT: đồng

[illegible]

60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghịệp công lập											
I	Chi phí khác (công tác phí, chuyên môn nghịệp vụ,..)								35%	4.195.331	
2	Chi phí quản lý chung								32%	3.835.731	
II	Tổng cộng (1+2)									8.031.063	
C	CÔNG TÁC THIẾT KẾ, TRÌNH BÀY TRONG BÁO ĐIỆN TỬ										03.03.01.01
1	Nhân công									37.437	
	Kỹ sư	công	3/9	3,0	0,077		2.340.000	319.091	74.986	30.344	30.344
	Họa sĩ	công	3/9	3,0	0,018		2.340.000	319.091	74.986	7.093	7.093
2	Máy sử dụng									0	
	Máy tính chuyên dùng	ca			0,092			0		0	
	Máy in laser A4	ca			0,0005			0		0	
3	Vật liệu sử dụng									2.144	
	Giấy A4	Tờ			6			130,00		780	

[illegible]

Phụ lục 8
DỰ TOÁN KINH PHÍ ẢNH MINH HỌA

Đơn giá ảnh minh họa										Mã hiệu 01.01.06.02 Thông tư 18/2021 BTTTT	
Mã	Nội dung	Đơn vị tính	Cấp bậc (1)	Hệ số công lương (2)	Trị số định mức theo TT 18 (3)	Lương cơ bản (5)	Đơn giá một ngày công (6)	các khoản đóng góp theo lương (7)	Giá trị một ngày công (8=3x5(6+7))		Thành tiền
A	CÔNG TÁC XÂY DỰNG BẢN THẢO VÀ BIÊN TẬP BẢN THẢO ĐỐI VỚI THẺ LOẠI ẢNH MINH HỌA										
1	Nhân công									776.831	
	Phòng viên hạng II	công	4/8	5,42	0,17	2.340.000	576.491	135,47 5	121.034	121.034	
	Phòng viên hạng III	công	5/9	3,66	0,96	2.340.000	389.291	91.483	461.543	461.543	
	Biên tập viên hạng II	công	4/8	5,42	0,05	2.340.000	576.491	135,47 5	35.598	35.598	
	Biên tập viên hạng III	công	5/9	3,66	0,33	2.340.000	389.291	91.483	158.656	158.656	
2	Máy sử dụng									0	
	Máy tính chuyên dụng				0,906		0			0	
	Máy ảnh chuyên dụng				0,383		0			0	
	Máy in laser A4 màu				0,0003		0			0	

DVT: đồng

[illegible]

[illegible]